

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1796/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phát triển đô thị

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị ngày 24 tháng 8 năm 2026;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phát triển đô thị.

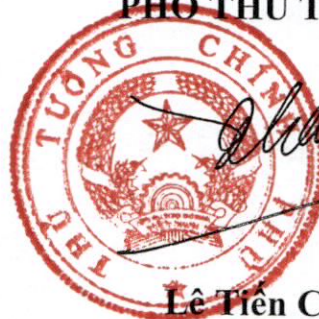
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tỉnh ủy, thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký TTg, các PTTgCP, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, QHDP (2b)₁₂

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Tiến Châu

**KẾ HOẠCH****Triển khai thi hành Luật Phát triển đô thị***(Kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-TTg**ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Luật Phát triển đô thị đã được Quốc hội khóa XVI thông qua tại Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2026 (một số cơ chế, chính sách có hiệu lực tại thời điểm khác¹). Đây là đạo luật có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của thành phố là đô thị loại đặc biệt nói chung, của Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, của các thành phố khác và khu kinh tế đặc biệt; đồng thời, Luật Phát triển đô thị có các quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh cũng như các tỉnh, thành phố khác. Để kịp thời triển khai thi hành hiệu quả Luật Phát triển đô thị, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

a) Xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức thi hành Luật Phát triển đô thị.

b) Xác định trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương, các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình triển khai thi hành Luật Phát triển đô thị.

c) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và Nhân dân trong việc triển khai thi hành Luật Phát triển đô thị và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phát triển đô thị, văn bản quy phạm pháp luật được ban hành để thực hiện thẩm quyền được giao trong Luật Phát triển đô thị (sau đây gọi là văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị).

d) Tổ chức kịp thời, hiệu quả việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến về Luật Phát triển đô thị.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; nâng cao trách nhiệm và sự tham gia của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, chính quyền

¹ Cụ thể: (1) Quy định tại khoản 4 Điều 7 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2026; (2) Chính sách ưu đãi thuế quy định tại điểm b khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 39, khoản 3, khoản 4 Điều 48, điểm b, điểm d khoản 1 Điều 52 của Luật này được áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2027.

Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật Phát triển đô thị.

b) Nội dung công việc phải gắn với chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của cơ quan chủ trì, đồng thời xác định rõ trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả trong tổ chức triển khai thi hành Luật Phát triển đô thị.

c) Có lộ trình cụ thể cho việc soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Phát triển đô thị; bảo đảm kịp thời, có chất lượng, đáp ứng yêu cầu triển khai thi hành đồng bộ, thống nhất các quy định của Luật.

d) Có cơ chế phù hợp nhằm tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh, bảo đảm việc triển khai thi hành Luật Phát triển đô thị đạt hiệu quả thực chất.

đ) Bảo đảm cơ chế phối hợp thường xuyên, kịp thời và hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức trong quá trình tổ chức thi hành Luật Phát triển đô thị.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Phát triển đô thị và các văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị

a) Nội dung:

- Đăng tải, cập nhật toàn bộ nội dung văn bản Luật Phát triển đô thị và các văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị trên Cổng Pháp luật quốc gia, các Cổng/Trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh, và các tỉnh, thành phố, Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân dễ dàng tiếp cận, khai thác, sử dụng.

- Triển khai các hình thức phổ biến pháp luật phù hợp; biên soạn, đăng tải, phát hành rộng rãi tài liệu phổ biến để cập nhật trên Cổng Pháp luật quốc gia, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính, Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố, Báo Pháp luật Việt Nam và các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về mục tiêu xây dựng, các nội dung cơ bản của Luật Phát triển đô thị bằng các hình thức cụ thể; phối hợp với các cơ quan báo chí tổ chức thực hiện các chuyên mục, chương trình, tin, bài phổ biến Luật Phát triển đô thị và các văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị.

b) Phân công thực hiện:

- Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố tổ chức phổ biến Luật Phát triển đô thị.

- Bộ Tài chính chủ trì thực hiện tuyên truyền, phổ biến các văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị do Bộ tham mưu ban hành theo thẩm quyền.

- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì thực hiện tuyên truyền, phổ biến các văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị do chính quyền Thành phố ban hành theo thẩm quyền.

- Ủy ban nhân dân các địa phương chủ trì thực hiện tuyên truyền, phổ biến các văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị do chính quyền địa phương ban hành theo thẩm quyền hoặc văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị do cơ quan có thẩm quyền, chính quyền địa phương ban hành và áp dụng tại địa phương.

- Đề nghị Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, các cơ quan thông tấn, báo chí của Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố phối hợp tuyên truyền, phổ biến Luật Phát triển đô thị và các văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị; mở chuyên trang, chuyên mục để giới thiệu về những mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nội dung chính của Luật Phát triển đô thị.

c) Thời gian thực hiện: Từ tháng 9 năm 2026.

d) Sản phẩm đầu ra: Hội nghị, hội thảo; tin, bài, chuyên trang, chuyên mục trên báo chí, tạp chí tuyên truyền, phổ biến Luật Phát triển đô thị.

2. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về Luật Phát triển đô thị và các văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị

a) Tổ chức tập huấn Luật Phát triển đô thị và các văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị

- Nội dung:

+ Tổ chức các hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn chuyên sâu quán triệt nội dung, mục tiêu của Luật Phát triển đô thị và các văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị.

+ Biên soạn tài liệu tập huấn, đề cương giới thiệu, tài liệu hỏi - đáp và các chuyên đề nghiệp vụ phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp triển khai thi hành Luật Phát triển đô thị.

+ Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về Luật Phát triển đô thị và văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị.

- Phân công thực hiện:

+ Bộ Tài chính chủ trì tổ chức các hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn về Luật Phát triển đô thị và các văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị do Bộ tham mưu ban hành theo thẩm quyền.

+ Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì tổ chức các hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn về Luật Phát triển đô thị và các văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị do chính quyền Thành phố ban hành theo thẩm quyền.

+ Các cơ quan báo chí, truyền thông của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Thành phố Hồ Chí Minh, các địa phương phối hợp thông tin, tuyên truyền về các hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn về Luật Phát triển đô thị và các văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị. Đồng thời, xây dựng chuyên mục, tin, bài phổ biến kiến thức pháp luật và nâng cao hiệu quả triển khai thi hành Luật Phát triển đô thị.

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 9 năm 2026.

- Sản phẩm đầu ra: Các hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn.

b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, tham vấn, góp ý

- Nội dung:

+ Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, tham vấn, góp ý cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương đối với các cơ chế, chính sách trong Luật Phát triển đô thị và văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị.

+ Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ hướng dẫn, giải đáp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thi hành Luật Phát triển đô thị và các văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị do do chính quyền Thành phố ban hành theo thẩm quyền.

+ Ủy ban nhân dân các địa phương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ hướng dẫn, giải đáp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thi hành Luật Phát triển đô thị và các văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị do chính quyền địa phương ban hành và áp dụng tại địa phương.

- Phân công thực hiện: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy ban nhân dân các địa phương.

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 10 năm 2026.

- Sản phẩm đầu ra: Văn bản tham vấn, góp ý văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị; văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Rà soát, lập Danh mục văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị

a) Đối với Danh mục văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ hoặc Bộ, cơ quan ngang Bộ

- Nội dung: Rà soát các nội dung Luật Phát triển đô thị giao Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định chi tiết hoặc giao quy định/hướng dẫn thi hành; lập Danh mục và lộ trình xây dựng văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp.

+ Cơ quan phối hợp: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Tháng 9 năm 2026.

- Sản phẩm đầu ra: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị.

b) Đối với Danh mục văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị thuộc thẩm quyền ban hành của chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh

- Nội dung: Rà soát các nội dung Luật Phát triển đô thị giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định chi tiết hoặc giao quy định/hướng dẫn thi hành, giao ban hành văn bản cá biệt; lập Danh mục và lộ trình xây dựng văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị, rà soát, sửa đổi, bổ sung Danh mục, điều chỉnh lộ trình xây dựng văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 8 năm 2026 (Đã hoàn thành việc lập Danh mục văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị²).

- Sản phẩm đầu ra: Danh mục văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị.

4. Xây dựng các văn bản thi hành và văn bản quy định nội dung được giao tại Luật Phát triển đô thị

a) Văn bản thuộc thẩm quyền của Chính phủ

- Nội dung: Xây dựng văn bản quy định chi tiết khoản 3 Điều 43 của Luật Phát triển đô thị; xây dựng văn bản quy định các nội dung tại khoản 5 và khoản 6 Điều 1, khoản 7 Điều 7, khoản 2 Điều 19, điểm o khoản 1 Điều 36, khoản 4 Điều

² Kế hoạch số 475/KH-UBND ngày 25/8/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thi hành Luật Phát triển đô thị trên địa bàn Thành phố.

54, khoản 6 và khoản 7 Điều 63 của Luật Phát triển đô thị; bảo đảm chất lượng, tiến độ theo lộ trình.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Bộ Tài chính.

+ Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan.

- Thời gian thực hiện: Theo lộ trình do cơ quan có thẩm quyền giao đối với từng văn bản.

- Sản phẩm đầu ra: Văn bản quy phạm pháp luật.

b) Văn bản thuộc thẩm quyền của chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh

- Nội dung: Xây dựng các văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhằm cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển đô thị đặc biệt; bảo đảm chất lượng, tiến độ theo lộ trình.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Theo lộ trình đối với từng văn bản.

- Sản phẩm đầu ra: Văn bản quy phạm pháp luật.

c) Văn bản thuộc thẩm quyền của Bộ, cơ quan ngang Bộ

- Nội dung: Xây dựng văn bản quy định điểm c khoản 5 Điều 21 và điểm c khoản 3 Điều 53 của Luật Phát triển đô thị; bảo đảm chất lượng, tiến độ theo lộ trình.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Cơ quan phối hợp: các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan.

- Thời gian thực hiện: Theo lộ trình do cơ quan có thẩm quyền giao.

- Sản phẩm đầu ra: Văn bản quy phạm pháp luật.

d) Văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh, thành phố nơi có khu kinh tế đặc biệt; của thành phố khác (nếu có)

- Nội dung: Xây dựng văn bản theo nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền tại Luật Phát triển đô thị hoặc theo phân công của cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm chất lượng, tiến độ theo lộ trình.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt.

+ Cơ quan phối hợp: Các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan.

- Thời gian thực hiện: Theo lộ trình do cơ quan có thẩm quyền giao.

- Sản phẩm đầu ra: Văn bản quy phạm pháp luật.

5. Tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Phát triển đô thị

a) Nội dung: Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Phát triển đô thị; thực hiện sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Phát triển đô thị.

b) Phân công thực hiện:

- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rà soát các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành theo thẩm quyền có liên quan đến Luật Phát triển đô thị.

- Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến phạm vi điều chỉnh của Luật Phát triển đô thị và thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới theo thẩm quyền.

- Bộ Tư pháp tổng hợp kết quả rà soát của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

c) Thời gian hoàn thành:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố hoàn thành rà soát và gửi kết quả cho Bộ Tư pháp trước ngày 30 tháng 10 năm 2026.

- Bộ Tư pháp tổng hợp kết quả rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 20 tháng 11 năm 2026.

d) Sản phẩm đầu ra: Báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Luật Phát triển đô thị.

6. Chế độ báo cáo và kiểm tra việc tổ chức thi hành Luật Phát triển đô thị

a) Chế độ báo cáo

- Nội dung:

+ Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thi hành Luật Phát triển đô thị; báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật Phát triển đô thị, trường hợp áp dụng cơ chế, chính sách khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội thì báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

+ Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố, Chính phủ về việc thi hành Luật Phát triển đô thị.

+ Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thực hiện cơ chế, chính sách quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 1 và khoản 7 Điều 63 của Luật Phát triển đô thị.

- Phân công thực hiện:

+ Đối với văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị do chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh ban hành

(i) Cơ quan chủ trì: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Cơ quan phối hợp: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan.

+ Đối với văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị do Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành

(i) Cơ quan chủ trì: Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(ii) Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, cơ quan, tổ chức có liên quan.

+ Đối với văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị do chính quyền địa phương ban hành

(i) Cơ quan chủ trì: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(ii) Cơ quan phối hợp: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện:

+ Đối với các văn bản quy phạm pháp luật xây dựng, ban hành theo Điều 7

và Điều 8 Luật Phát triển đô thị, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội (những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội), Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ), các Bộ, cơ quan ngang Bộ (những vấn đề thuộc thẩm quyền của Bộ, cơ quan ngang Bộ) trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ban hành văn bản.

+ Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật Phát triển đô thị; trường hợp áp dụng cơ chế, chính sách khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội thì báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thi hành Luật Phát triển đô thị.

+ Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố, Chính phủ về việc thi hành Luật Phát triển đô thị.

+ Đối với văn bản do Chính phủ quy định nội dung tại khoản 5, khoản 6 Điều 1 và khoản 7 Điều 63 của Luật Phát triển đô thị, báo cáo theo quy định của pháp luật về văn bản quy phạm pháp luật.

+ Đối với văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị do chính quyền địa phương ban hành, báo cáo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

+ Thực hiện thường xuyên (từ tháng 10/2026) với các nội dung giao báo cáo định kỳ hằng năm.

- Sản phẩm đầu ra: Các báo cáo theo nội dung được giao.

b) Kiểm tra việc tổ chức thi hành Luật Phát triển đô thị

a) Nội dung: Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính (căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và phân công tại Kế hoạch này) chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ theo dõi thi hành Luật Phát triển đô thị, tổ chức kiểm tra việc tổ chức thi hành Luật Phát triển đô thị và các văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị.

b) Phân công thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính.

- Cơ quan phối hợp: Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Hằng năm hoặc đột xuất.

d) Sản phẩm đầu ra: Báo cáo kiểm tra việc tổ chức thi hành Luật Phát triển đô thị.

III. KINH PHÍ BẢO ĐẢM

Kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước hằng năm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh, chính quyền tỉnh, thành phố có liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Phát triển đô thị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

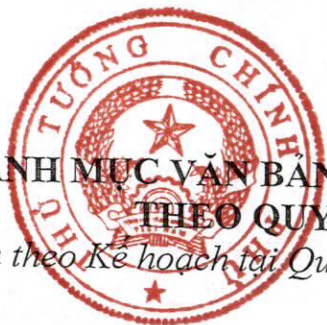
1. Bộ Tư pháp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương trong việc xây dựng văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị; định kỳ hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Kế hoạch này.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương có liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; tổng hợp đề xuất của các địa phương về áp dụng, thí điểm cơ chế, chính sách theo khoản 5, khoản 6 Điều 1 Luật Phát triển đô thị (nếu có); chủ trì xây dựng, trình Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo nhiệm vụ được giao tại Luật Phát triển đô thị và Kế hoạch này.

3. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố liên quan có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

4. Đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương quan tâm chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Phát triển đô thị để các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, địa phương khác có liên quan được phổ biến sâu rộng trong Nhân dân, sớm đi vào cuộc sống, phát huy hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý, phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương khác có liên quan.

5. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận tổ chức việc phổ biến pháp luật về phát triển đô thị cho hội viên, đoàn viên của tổ chức mình; vận động Nhân dân chấp hành pháp luật về phát triển đô thị; phối hợp với cơ quan nhà nước, tổ chức có liên quan phổ biến cho Nhân dân; tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển đô thị./.



Phụ lục I

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG BAN HÀNH
THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SỐ 18/2026/QH16**
(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 1796/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	ĐIỀU, KHOẢN, ĐIỂM GIAO QUY ĐỊNH	TÊN VĂN BẢN	THẨM QUYỀN BAN HÀNH	CƠ QUAN SOẠN THẢO	THỜI HẠN TRÌNH/BAN HÀNH
1.	Khoản 5, khoản 6 Điều 1; khoản 7 Điều 7	Nghị định quy định phạm vi áp dụng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển đô thị đặc biệt cho thành phố không phải là đô thị đặc biệt, cho tỉnh, thành phố nơi có khu kinh tế đặc biệt.	Chính phủ	Bộ Tài chính	Theo lộ trình do cơ quan có thẩm quyền giao
2.		Nghị định quy định cơ chế, chính sách phát triển thành phố Đồng Nai. ¹	Chính phủ	Bộ Tài chính	Trình Chính phủ trong tháng 9/2026
3.	Khoản 2 Điều 19, điểm o khoản 1 Điều 36; khoản 3 Điều 43 ² ; khoản 4 Điều 54; khoản 6 Điều 63; khoản 7 Điều 63	Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phát triển đô thị	Chính phủ	Bộ Tài chính	Trình Chính phủ trước ngày 20/9/2026
4.	Điểm c khoản 5 Điều 21; điểm c khoản 3 Điều 53	Thông tư quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục mở và nội dung hoạt động của phòng giao dịch chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong khu thương mại tự do, khu phi thuế quan ngoài trụ sở chi nhánh	Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Thời điểm ban hành phải bảo đảm có hiệu lực đồng thời với thời điểm có hiệu lực của Luật số 18/2026/QH16

¹ Theo chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Công văn số 9025/VPCP-QHĐP ngày 04/9/2026 của Văn phòng Chính phủ.
² Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.



Phụ lục II

DANH MỤC NỘI DUNG CẦN XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CHÍNH QUYỀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SỐ 18/2026/QH16

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 1796/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
1	Điều 5, khoản 3, điểm a	Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương, bao gồm cả văn bản quy định cơ chế, chính sách áp dụng cho đối tượng, địa phương khác, ban hành sau ngày Luật Phát triển đô thị, văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn quy định của Luật Phát triển đô thị, văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.	x		
2	Điều 6, khoản 1, điểm a	Quy định số lượng, tiêu chí xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; tỷ lệ đại biểu hoạt động chuyên trách của Hội đồng nhân dân Thành phố và Hội đồng nhân dân cấp xã; khung số lượng Phó Trưởng Ban các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố; số lượng, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố và Hội đồng nhân dân cấp xã.	x		
3	Điều 6, khoản 1, điểm b	Quy định khung số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phù hợp với đặc thù quản lý đô thị, quy mô dân số, yêu cầu cung cấp dịch vụ công và điều kiện thực tiễn của Thành phố.	x		
4	Điều 6, khoản 1, điểm c	Quy định số lượng, việc thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; quyết định thay đổi tên gọi, điều chỉnh chức năng của	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
		các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.			
5	Điều 6, khoản 1, điểm d	Quy định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư; số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư.	x		
6	Điều 6, khoản 1, điểm đ	Quy định về việc tuyển dụng, vị trí việc làm công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.	x		
7	Điều 6, khoản 1, điểm e	Quy định việc thuê, tuyển dụng và bổ nhiệm người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và người quản lý doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.	x		
8	Điều 6, khoản 1, điểm g	Quy định chính sách về thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc, người lao động tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, một số hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và người làm việc tại một số cơ quan trung ương trên địa bàn Thành phố; việc sử dụng ngân sách Thành phố và nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện chính sách này.	x		
9	Điều 6, khoản 1, điểm h	Quy định việc ký kết hợp đồng thực hiện chuyên môn trong khả năng cân đối của ngân sách Thành phố.	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
10	Điều 6, khoản 2, điểm a	Chính sách, biện pháp tổ chức thực hiện nền hành chính số và công vụ số.		x	
11	Điều 6, khoản 2, điểm b	Cơ chế, biện pháp phát huy dân chủ ở cơ sở, huy động sự tham gia của người dân trong quản trị địa phương; cơ chế khoán việc; cơ chế, biện pháp cần thiết khác để phát huy vai trò tự quản của tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư.		x	
12	Điều 6, khoản 2, điểm c	Việc thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi, giải thể; cơ cấu tổ chức, chế độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố phù hợp với đặc thù quản lý đô thị, quy mô dân số, yêu cầu cung cấp dịch vụ công và điều kiện thực tiễn của Thành phố.		x	
13	Điều 6, khoản 2, điểm d	Khung số lượng cấp phó của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.		x	
14	Điều 6, khoản 2, điểm đ	Việc sử dụng, quản lý công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.		x	
15	Điều 6, khoản 2, điểm e	Việc giao thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, trừ nội dung Ủy ban nhân dân Thành phố thảo luận tập thể và quyết định theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương.		x	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
16	Điều 7, khoản 2, điểm a	Điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức thuộc Thành phố, bảo đảm yêu cầu về cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính, không quy định thêm thành phần hồ sơ, không tăng thêm yêu cầu, điều kiện, thời gian giải quyết thủ tục đang áp dụng.	x	x	x
17	Điều 7, khoản 2, điểm b	Quy định biện pháp đặc thù phù hợp với yêu cầu phát triển Thành phố để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội mà khác hoặc chưa có quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ.	x	x	x
18	Điều 7, khoản 5	Hội đồng nhân dân Thành phố quy định việc xác định thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều này và quy định chi tiết khoản 4 Điều này.	x		
19	Điều 7, khoản 6	Hội đồng nhân dân Thành phố quy định việc ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật để quyết định lựa chọn áp dụng pháp luật quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Luật này. Nội dung nghị quyết lựa chọn áp dụng pháp luật phải xác định rõ quy định của văn bản quy phạm pháp luật được lựa chọn áp dụng, phạm vi, đối tượng được áp dụng, thời điểm áp dụng, quy định chuyển tiếp (nếu có).	x		
20	Điều 8,	Trên cơ sở chấp thuận của cấp có thẩm quyền, Hội đồng nhân dân	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
	khoản 4	Thành phố ban hành nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách, trong đó xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian, không gian, địa bàn thí điểm; dự kiến kết quả, tác động của thí điểm; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; biện pháp quản trị rủi ro; cơ chế kiểm soát, giám sát, đánh giá; điều kiện, trình tự điều chỉnh, gia hạn hoặc kết thúc việc thí điểm.			
21	Điều 9, khoản 2, điểm a	Cơ chế xã hội hóa có kiểm soát đối với hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính để nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công phù hợp với đặc thù quản lý đô thị, quy mô dân số, yêu cầu cung cấp dịch vụ công và điều kiện thực tiễn của Thành phố.	x		
22	Điều 9, khoản 2, điểm b	Khung giá dịch vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính; chính sách ưu đãi, hỗ trợ và nguồn lực khác bảo đảm thực hiện cơ chế xã hội hóa quy định tại điểm a khoản này.	x		
23	Điều 10, khoản 2, điểm a	Nội dung, thành phần hồ sơ, định mức chi phí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố, công bố, cung cấp thông tin, thực hiện, đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố; việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố, bao gồm trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 45 của Luật này (nếu có). Quy hoạch tổng thể Thành phố, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố phải lấy ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
		chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên kết, cộng đồng dân cư, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trước khi phê duyệt.			
24	Điều 10, khoản 2, điểm b	Loại quy hoạch, hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn, hoạt động kiến trúc.	x		
25	Điều 11, khoản 3, điểm a	Việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao. Việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch được thực hiện sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, lấy ý kiến Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính và tham vấn ý kiến của cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.	x		
26	Điều 11, khoản 3, điểm b	Mức giới hạn độ sâu trong lòng đất mà người sử dụng đất được sử dụng phù hợp với quy hoạch và không phải trả tiền sử dụng không gian ngầm.	x		
27	Điều 11, khoản 3, điểm c	Việc sử dụng lòng đất ngoài giới hạn độ sâu quy định tại điểm b khoản này; việc nộp tiền, miễn, giảm tiền sử dụng không gian ngầm.	x		
28	Điều 11, khoản 3, điểm d	Việc sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao khi chưa có quy hoạch không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao nhưng phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất.	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
29	Điều 11, khoản 3, điểm đ	Chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân có quyền, lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng khi khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao vì lợi ích công cộng.	x		
30	Điều 11, khoản 3, điểm e	Chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư, phát triển, khai thác công trình ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao.	x		
31	Điều 11, khoản 3, điểm g	Các khoản thu từ việc khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao.	x		
32	Điều 11, khoản 4	Ủy ban nhân dân Thành phố quy định biện pháp quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao; quản lý hạ tầng, công nghệ, phương tiện hoạt động trong không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao.		x	
33	Điều 12, khoản 2, điểm a	Chính sách, biện pháp, tiêu chí, điều kiện thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị trên địa bàn Thành phố.	x		
34	Điều 12, khoản 2, điểm b	Chính sách, cơ chế ưu đãi về đầu tư, xây dựng, quản lý, bảo trì, khai thác để hỗ trợ phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công vụ, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà lưu trú, nhà ở cho thuê và loại hình nhà ở khác.	x		
35	Điều 12,	Cơ chế, chính sách, biện pháp về cải tạo, xây dựng lại nhà chung	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
	khoản 2, điểm c	cur trên địa bàn Thành phố.			
36	Điều 12, khoản 3, điểm a	Quy định trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, phát triển nhà ở, trừ nhà ở thương mại.		x	
37	Điều 12, khoản 3, điểm b	Quy định về việc người bị thu hồi nhà ở, đất ở được bố trí tái định cư bằng nhà ở xã hội sau khi thanh toán đủ tiền mua nhà ở theo quy định thì được công nhận quyền sở hữu đầy đủ đối với nhà ở đó như nhà ở thương mại.		x	
38	Điều 12, khoản 3, điểm c	Quy định thẩm quyền, nội dung kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy trong lĩnh vực xây dựng phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố.		x	
39	Điều 13, khoản 1, điểm a	Chính sách phát triển đô thị tại khu vực TOD, bao gồm việc sử dụng ngân sách Thành phố để triển khai dự án đầu tư công độc lập nhằm thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thu hồi đất, chỉnh trang, phát triển đô thị, thực hiện tái định cư, tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện các dự án đầu tư phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ theo quy định của pháp luật hoặc thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án đường sắt áp dụng loại Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.	x		
40	Điều 13, khoản 1,	Chỉ tiêu sử dụng đất, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch, yêu cầu về tổ chức không gian trong khu vực TOD khác	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
	điểm b	hoặc chưa có quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn trên cơ sở khai thác đồng bộ không gian ngầm, không gian tầm thấp, không làm quá tải hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bảo đảm kết nối hạ tầng của khu vực; ưu tiên mặt đất cho không gian công cộng, cây xanh và chất lượng sống đô thị.			
41	Điều 13, khoản 1, điểm c	Việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến đường sắt địa phương, quy hoạch khu vực TOD.	x		
42	Điều 13, khoản 1, điểm d	Việc chuyển nhượng chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch trong khu vực TOD.	x		
43	Điều 13, khoản 1, điểm đ	Phương pháp xác định các khoản thu, mức thu, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện việc thu các khoản thu trong khu vực TOD đối với diện tích sàn xây dựng tăng thêm của dự án xây dựng công trình dân dụng do việc tăng chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch hoặc chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, khoản thu từ việc khai thác giá trị tăng thêm từ đất, phí cải thiện hạ tầng, khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương, phí kết nối giao thông công cộng, khoản thu khác để phát triển hệ thống đường sắt địa phương và việc kết nối đồng bộ hạ tầng giao thông trong khu vực TOD.	x		
44	Khoản 2 Điều 13	Ủy ban nhân dân Thành phố quy định việc tổ chức quản lý, khai thác hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong		x	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
		khu vực TOD.			
45	Điều 14, khoản 1, điểm a	Đầu tư, huy động các nguồn lực để xây dựng, phát triển, khai thác, bảo trì đồng bộ hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông bao gồm hạ tầng giao thông liên kết, phát triển vùng, logistics, công trình ngầm công cộng; áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông, vận tải, logistics.	x		
46	Điều 14, khoản 1, điểm b	Phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng, bến xe, bãi đỗ xe đa chức năng.	x		
47	Điều 14, khoản 1, điểm c	Phát triển hạ tầng cảng biển, đường thủy nội địa, vận tải đường thủy.	x		
48	Điều 14, khoản 1, điểm d	Phát triển hạ tầng giao thông sử dụng năng lượng sạch, giao thông phi cơ giới; hỗ trợ chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch và tiêu chí, trình tự, thủ tục thực hiện; việc hạn chế sử dụng phương tiện giao thông phát thải gây ô nhiễm môi trường.	x		
49	Điều 14, khoản 1, điểm đ	Giảm phát thải nhựa trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt trên địa bàn Thành phố; hoạt động xử lý, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và tiêu dùng liên quan đến tái chế rác thải sử dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất, quản lý chất thải rắn theo chuỗi phát sinh - thu gom - vận chuyển - xử lý.	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
50	Điều 14, khoản 1, điểm e	Ưu đãi, hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Thành phố áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong lĩnh vực giao thông vận tải, công nghiệp môi trường và dịch vụ môi trường.	x		
51	Điều 14, khoản 1, điểm g	Hạn chế phương tiện giao thông cá nhân vào khu vực trung tâm Thành phố để giảm ùn tắc giao thông, giảm phát thải; áp dụng phí giảm ùn tắc giao thông.	x		
52	Điều 14, khoản 1, điểm h	Di dời cơ sở sản xuất trong khu dân cư, cơ sở sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề ở nông thôn; cảng, bến, kho bãi và cơ sở sản xuất kinh doanh không còn phù hợp quy hoạch phát triển đô thị, môi trường và cảnh quan của Thành phố.	x		
53	Điều 14, khoản 1, điểm i	Lộ trình chuyển đổi, phát triển giao thông xanh, phạm vi vùng phát thải thấp để hạn chế phương tiện giao thông nhằm cải thiện chất lượng không khí; biện pháp được áp dụng trong vùng phát thải thấp theo lộ trình phù hợp.	x		
54	Điều 14, khoản 1, điểm k	Tiêu chí khu, cụm công nghiệp sinh thái trên địa bàn Thành phố và lộ trình, cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi khu, cụm công nghiệp đang hoạt động thành khu, cụm công nghiệp sinh thái.	x		
55	Điều 14, khoản 2, điểm a	Quy định quản lý, khai thác, sử dụng công trình đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt địa phương, cảng, bến thuộc phạm vi quản lý của Thành phố vào mục đích khác ngoài mục đích giao thông, phù hợp với yêu cầu bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và mỹ quan đô thị.		x	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
56	Điều 14, khoản 2, điểm b	Quy định điều kiện hoạt động, yêu cầu kỹ thuật, tổ chức quản lý và cơ chế giá đối với phương thức giao thông, mô hình vận tải hành khách mới chưa có trong quy định của pháp luật.		x	
57	Điều 14, khoản 2, điểm g	Ban hành giá vé các phương thức vận tải hành khách công cộng, giá vé dùng chung liên thông đa phương thức.		x	
58	Điều 14, khoản 3, điểm c	Quy định việc thu và tổ chức thu đối với giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân.			x
59	Điều 15, khoản 1, điểm b	Quy định công trình được miễn giấy phép xây dựng.		x	
60	Điều 15, khoản 1, điểm c	Quy định tỷ lệ, lộ trình sử dụng vật liệu xây dựng mới, vật liệu tái chế, vật liệu xanh, vật liệu nhẹ, vật liệu thông minh, vật liệu thân thiện môi trường, vật liệu phù hợp vùng ven biển, hải đảo được ưu tiên áp dụng phù hợp với tính chất công trình, điều kiện thực tiễn của Thành phố; quyết định việc ưu tiên giải pháp thiết kế hạn chế sử dụng vật liệu truyền thống, giảm phát thải, tiết kiệm tài nguyên.		x	
61	Điều 16, khoản 1, điểm a	Chức danh, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính khác với quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; thẩm quyền áp dụng mức tiền phạt vi phạm hành chính tương ứng quy định tại điểm b khoản này.	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
62	Điều 16, khoản 1, điểm b	Mức tiền phạt vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt chung và thẩm quyền phạt tiền tương ứng do Chính phủ quy định đối với hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; bảo vệ môi trường; văn hóa; quảng cáo; đất đai; xây dựng, nhà ở; giao thông đường bộ; giao thông đường sắt; giao thông đường thủy nội địa; hoạt động đường bộ; an toàn thực phẩm; phòng, chống dịch bệnh động vật; chăn nuôi, thú y trên địa bàn Thành phố.	x		
63	Điều 16, khoản 2	Hội đồng nhân dân Thành phố quy định việc ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh để bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố	x		
64	Điều 16, khoản 3	Hội đồng nhân dân Thành phố quy định biện pháp đặc thù khác về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, biện pháp hành chính cấp bách phù hợp với yêu cầu bảo vệ Thành phố, bảo đảm hiệu lực quản lý đô thị, hài hòa giữa yêu cầu giữ vững an ninh, trật tự xã hội với bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.	x		
65	Điều 17, khoản 4, điểm c	Doanh nghiệp đường sắt địa phương do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố	x		
66	Điều 18, khoản 1, điểm a	Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đặc thù, vượt trội để phát triển hạ tầng và các ngành, lĩnh vực kinh tế biển mới, trọng điểm, có tính chất lan tỏa.	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
67	Điều 18, khoản 1, điểm b	Danh mục ngành, lĩnh vực phát triển kinh tế biển được hưởng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Điều 39 của Luật này.	x		
68	Điều 18, khoản 1, điểm c	Tổ chức, hoạt động của khu cảng mở.	x		
69	Điều 20, khoản 1	Phạm vi, danh mục, cơ chế, chính sách ưu tiên, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với ngành, lĩnh vực, mô hình dịch vụ, hình thức tổ chức không gian dịch vụ tại Thành phố.	x		
70	Điều 20, khoản 2	Phạm vi, cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với mô hình Outlet gắn với dịch vụ tổng hợp; hệ thống cửa hàng miễn thuế, cửa hàng hoàn thuế giá trị gia tăng và các mô hình thương mại, dịch vụ tích hợp khác tại Thành phố.	x		
71	Điều 20, khoản 3	Trình tự, thủ tục áp dụng cơ chế, chính sách quy định tại Điều này.	x		
72	Điều 21, khoản 1, điểm a	Trình tự, thủ tục thành lập và điều chỉnh ranh giới, diện tích, nội dung khác có liên quan đến tổ chức, hoạt động của khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp.	x		
73	Điều 21, khoản 1, điểm b	Cơ chế, chính sách về quản lý, tổ chức, hoạt động, ưu đãi đầu tư, tạo thuận lợi thương mại, cải thiện môi trường kinh doanh và chính sách đặc thù khác phát sinh trong quá trình hoạt động của khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp.	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
74	Điều 23, khoản 1, điểm a	Điều kiện, tiêu chí xác định, mục tiêu, chức năng của khu chức năng mới, loại hình kinh tế mới.	x		
75	Điều 23, khoản 1, điểm b	Trình tự, thủ tục thành lập, chấm dứt hoạt động; điều chỉnh tên gọi, ranh giới, diện tích, nội dung khác có liên quan đến tổ chức, hoạt động của khu chức năng mới.	x		
76	Điều 23, khoản 1, điểm c	Cơ chế, chính sách về quản lý, tổ chức, hoạt động, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư từ nguồn lực của Thành phố, tạo thuận lợi thương mại, cải thiện môi trường kinh doanh và chính sách khác phát sinh trong quá trình hoạt động của khu chức năng mới, loại hình kinh tế mới.	x		
77	Điều 23, khoản 1, điểm d	Cơ chế, chính sách chuyển đổi các khu chế xuất, khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố thành khu chức năng mới hoặc loại hình kinh tế mới.	x		
78	Điều 23, khoản 1, điểm đ	Cơ chế, chính sách phát triển kinh tế đô thị, kinh tế số, kinh tế sáng tạo, kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tầm thấp, kinh tế bạc, loại hình kinh tế mới khác.	x		
79	Điều 24, khoản 1, điểm a	Quy định việc phát hành trái phiếu đô thị, trái phiếu công trình tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam để huy động vốn nhằm triển khai các dự án trọng điểm của Thành phố.	x		
80	Điều 24, khoản 1, điểm b	Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép thành lập ngân hàng có hoạt động ngân hàng đầu tư tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam, phát hành sản phẩm tài chính quốc tế thông qua Trung	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
		tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.			
81	Điều 24, khoản 1, điểm c	Quy định cơ chế kết nối, tài trợ, hỗ trợ chuỗi giá trị giữa Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam với khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp, khu cảng mở, khu đô thị khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, khu chức năng khác, TOD.	x		
82	Điều 24, khoản 1, điểm đ	Quy định cơ chế, chính sách khác phù hợp với quy định tại Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan để bảo đảm xây dựng, vận hành hiệu quả Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam theo hướng thể hệ mới, có hệ sinh thái tài chính toàn diện và đa dạng, tăng cường kết nối sâu rộng với thị trường vốn quốc tế.	x		
83	Điều 25, khoản 1	Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mở rộng đối tượng, điều kiện tham gia và cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện với khách hàng sử dụng điện trong phạm vi quản lý của Thành phố; trách nhiệm của đối tượng tham gia mua bán điện trực tiếp.	x		
84	Điều 26, khoản 1, điểm a	Quy định cơ chế, chính sách khuyến khích, huy động nguồn lực xã hội hóa, sử dụng tài sản công, ngân sách Thành phố để bảo vệ, phát triển văn hóa, thể thao, du lịch của Thành phố; việc hỗ trợ tổ chức, cá nhân tôn tạo, bảo vệ khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử, công trình kiến trúc có giá trị; việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn Thành phố.	x		
85	Điều 26, khoản 1,	Quy định tổ chức, hoạt động, cơ chế quản lý, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển kinh tế ban đêm; khu phát triển thương mại, văn hóa,	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
	điểm b	thể thao; trung tâm, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa; tổ hợp sáng tạo văn hóa; loại hình tổ chức, thiết chế văn hóa, thể thao khác.			
86	Điều 26, khoản 1, điểm c	Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ, giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu sáng tạo, phổ biến công trình, sản phẩm, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật.	x		
87	Điều 26, khoản 1, điểm d	Quy định việc đặt tên, đổi tên đường, công trình công cộng thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.	x		
88	Điều 26, khoản 1, điểm đ	Quy định cơ chế quản lý, khai thác hoạt động quảng cáo.	x		
89	Điều 26, khoản 1, điểm e	Quy định cơ chế, chính sách để phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo, trọng dụng, chăm lo và phát triển nguồn nhân lực trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao; văn học, nghệ thuật, ưu tiên loại hình nghệ thuật truyền thống và bảo tồn di sản văn hóa Việt Nam.	x		
90	Điều 26, khoản 1, điểm g	Quy định cơ chế hỗ trợ phát triển mô hình dịch vụ du lịch, sản phẩm du lịch và hoạt động du lịch.	x		
91	Điều 26, khoản 1, điểm h	Quy định tên gọi, tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận các loại cơ sở lưu trú du lịch chưa được quy định trong hệ thống tiêu chuẩn phân loại, xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch quốc gia.	x		
92	Điều 26,	Quy định cơ chế hợp tác công - tư trong quản lý, khai thác, sử dụng		x	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
	khoản 2, điểm a	di tích lịch sử - văn hóa, công trình kiến trúc có giá trị.			
93	Điều 26, khoản 2, điểm b	Quy định yêu cầu, điều kiện, hồ sơ quản lý, biện pháp bảo vệ, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, cải tạo công trình kiến trúc có giá trị, trừ di tích, di sản được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận hoặc ghi danh.		X	
94	Điều 26, khoản 3, điểm a	Quy định Cấp, thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế đối với doanh nghiệp đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.		X	
95	Điều 26, khoản 3, điểm b	Quy định Công nhận, thu hồi quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn Thành phố.		X	
96	Điều 27, khoản 1, điểm a	Cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, sử dụng tài sản công, huy động nguồn lực xã hội hóa của cơ sở giáo dục có nhiều cấp học, cơ sở giáo dục chất lượng cao, cơ sở thực hiện liên kết giáo dục và mô hình trường tiên tiến, hiện đại.	X		
97	Điều 27, khoản 1, điểm b	Chính sách cấp học bổng, cơ chế ưu đãi đặc biệt cho người có năng khiếu, tài năng, có thành tích đặc biệt xuất sắc; cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ khác cho người học, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đi học tập, nghiên cứu, thỉnh giảng trong nước và nước ngoài thuộc các lĩnh vực, ngành trọng điểm theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.	X		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
98	Điều 27, khoản 1, điểm c	Cơ chế, chính sách hỗ trợ giáo dục, phát triển giáo dục toàn diện trong cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố.	x		
99	Điều 27, khoản 1, điểm d	Cơ chế, chính sách giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng đối với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, viện nghiên cứu, tổ chức trong nước và nước ngoài có chức năng đào tạo, bồi dưỡng để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.	x		
100	Điều 27, khoản 1, điểm đ	Chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố tham gia các hoạt động giáo dục.	x		
101	Điều 27, khoản 2, điểm a	Quy định việc thực hiện liên kết giáo dục giữa cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, tư thục với cơ sở nước ngoài.		x	
102	Điều 27, khoản 2, điểm b	Quy định tiêu chí, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và dịch vụ giáo dục đối với cơ sở giáo dục quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và cơ sở giáo dục trọng điểm trên địa bàn Thành phố.		x	
103	Điều 27, khoản 2, điểm c	Bổ sung chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông nhưng phải bảo đảm yêu cầu về mục tiêu giáo dục, phẩm chất, năng lực của học sinh cần đạt được và nội dung giáo dục bắt buộc của chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông quốc gia.		x	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
104	Điều 27, khoản 2, điểm d	Ban hành chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đối với cơ sở giáo dục quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phù hợp với mục tiêu phát triển giáo dục của Thành phố, yêu cầu về mục tiêu giáo dục, phẩm chất, năng lực của học sinh cần đạt được và nội dung giáo dục bắt buộc của chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông quốc gia.		x	
105	Điều 27, khoản 3, điểm a	Quy định thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, cấp phép hoạt động trường đại học công lập, cao đẳng công lập do Thành phố quản lý; cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, cấp phép hoạt động trường đại học tư thục, cao đẳng tư thục trên địa bàn Thành phố.		x	
106	Điều 27, khoản 3, điểm b	Quy định thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, cấp phép hoạt động đối với trường đại học, cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài hoặc có hoạt động liên kết đào tạo với cơ sở nước ngoài trên địa bàn Thành phố sau khi lấy ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo.		x	
107	Điều 28, khoản 1, điểm a	Chính sách hỗ trợ từ ngân sách Thành phố để chi trả cho chi phí phòng bệnh; chi phí khám bệnh, chữa bệnh ngoài phạm vi chi trả của quỹ bảo hiểm y tế theo lộ trình phù hợp.	x		
108	Điều 28, khoản 1, điểm b	Chính sách phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện, vận chuyển y tế; giá dịch vụ cấp cứu ngoại viện và tỷ lệ đồng chi trả của người bệnh khi sử dụng dịch vụ cấp cứu ngoại viện để làm cơ sở thực hiện việc hỗ trợ thanh toán.	x		
109	Điều 28,	Cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động của hệ thống y tế các cấp trên	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
	khoản 1, điểm c	địa bàn Thành phố; huy động, đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các cơ sở y tế trên địa bàn Thành phố tham gia hoạt động cấp cứu ngoại viện, vận chuyển y tế, phòng, chống dịch bệnh, ứng phó thảm họa, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và nhiệm vụ y tế công ích khác của Thành phố.			
110	Điều 28, khoản 1, điểm d	Chế độ, chính sách ưu đãi cho người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố.	x		
111	Điều 28, khoản 1, điểm đ	Cơ chế, chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo hướng mở rộng đối tượng, nâng mức thụ hưởng bảo đảm hệ thống an sinh xã hội toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân; phát triển hệ thống cơ sở chăm sóc người cao tuổi, cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố.	x		
112	Điều 28, khoản 1, điểm e	Cơ chế, chính sách phát triển dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người nước ngoài tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn Thành phố.	x		
113	Điều 28, khoản 3, điểm a	Quy định cấp phép nhập khẩu thuốc chưa có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam đáp ứng nhu cầu điều trị đặc biệt được sử dụng cho mục đích cấp cứu hoặc chống độc, chống thai ghép hoặc thuốc thuộc Danh mục thuốc hiếm để cung cấp cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Thành phố quản lý về chuyên môn.		x	
114	Điều 28, khoản 3,	Quy định cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Thành phố quản lý về chuyên môn được áp dụng kỹ thuật loại đặc biệt.		x	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
	điểm b				
115	Điều 29, khoản 1	Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ, đầu tư, nguồn lực để bảo đảm hiệu quả về an toàn thực phẩm; phát triển cơ sở hạ tầng dùng chung và hệ thống cơ sở dữ liệu trong quản lý thực phẩm và an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố, vùng đô thị đặc biệt.	x		
116	Điều 29, khoản 2, điểm a	Quy định về biện pháp, quy trình giám sát, phản ứng nhanh để phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm.		x	
117	Điều 29, khoản 2, điểm b	Quy định quy chế cung ứng, cung cấp thông tin về nguyên liệu thực phẩm, sản phẩm thực phẩm tại Thành phố và được đưa vào Thành phố.		x	
118	Điều 30, khoản 2, điểm a	Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố.	x		
119	Điều 30, khoản 2, điểm b	Tiêu chí và cơ chế, chính sách cho khu đô thị khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.	x		
120	Điều 30, khoản 2, điểm c	Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; hình thành và phát triển trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế; chuyển giao công nghệ, xác lập, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
		sáng tạo, chuyển đổi số, ươm tạo, hoạt động của doanh nghiệp khởi nguồn, thương mại hóa sản phẩm, kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ; sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu sản phẩm công nghệ số; phát triển tài sản số; ưu đãi thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố.			
121	Điều 30, khoản 2, điểm d	Việc tổ chức, hoạt động, quản lý Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố.	x		
122	Điều 30, khoản 2, điểm đ	Việc sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp đóng góp vào Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố; chính sách ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp đã đóng góp vào Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố để thực hiện nhiệm vụ, dự án, đề án phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	x		
123	Điều 30, khoản 2, điểm e	Việc giao trực tiếp, chỉ định thầu đối với nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, dự án ứng dụng công nghệ số có sử dụng ngân sách Thành phố.	x		
124	Điều 30, khoản 2, điểm g	Việc thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia quản lý, điều hành, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
		khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và viên chức làm việc tại cơ sở, tổ chức đó.			
125	Điều 30, khoản 2, điểm h	Lĩnh vực, tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung, mức hỗ trợ không hoàn lại từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách Thành phố cho chi phí ươm tạo dự án khởi nghiệp sáng tạo, bao gồm chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; tiền công lao động trực tiếp; chi phí dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, khu làm việc chung.	x		
126	Điều 30, khoản 3, điểm a	Quy định khoán chi trong thực hiện nhiệm vụ, dự án, đề án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách Thành phố.		x	
127	Điều 30, khoản 3, điểm b	Quy định việc huy động, sử dụng nguồn lực từ tài trợ, hỗ trợ, hình thức hợp tác công - tư và hình thức khác trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.		x	
128	Điều 30, khoản 3, điểm c	Quy định việc xây dựng, tạo lập, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố, bảo đảm liên thông, kết nối với cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương; phương thức quản trị tiên tiến dựa trên dữ liệu số, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo; cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu.		x	
129	Điều 30, khoản 3,	Quy định về bảo đảm an toàn, quản lý rủi ro, biện pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý nhà nước trên địa bàn Thành phố.		x	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
	điểm d				
130	Điều 30, khoản 3, điểm đ	Ban hành quy chuẩn kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn trong các lĩnh vực cần có mức yêu cầu cao hơn hoặc chưa có quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia; lựa chọn, công nhận, áp dụng tiêu chuẩn tiên tiến, hiện đại của nước ngoài, khu vực, quốc tế. Việc thực hiện quy định tại điểm này phải bảo đảm liên thông, kết nối kỹ thuật, quản lý dữ liệu với cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương, địa phương khác và hệ thống quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia; không tạo rào cản đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và thương mại.		x	
131	Điều 31, khoản 1, điểm a	Tiêu chí, điều kiện lựa chọn và trình tự, thủ tục cho phép, điều chỉnh, kết thúc, hoàn thành việc thử nghiệm có kiểm soát công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới và các mô hình khác.	x		
132	Điều 31, khoản 1, điểm b	Cơ chế hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm; cơ chế bảo vệ người tham gia thử nghiệm; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát.	x		
133	Điều 31, khoản 1, điểm c	Chính sách khuyến khích, hỗ trợ, tài trợ cho hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào phê duyệt, hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm; việc sử dụng cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước, cơ sở hạ tầng, tài sản công để hỗ trợ thử nghiệm có kiểm soát.	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
134	Điều 31, khoản 1, điểm d	Chính sách ưu tiên mua sắm, đầu tư từ ngân sách Thành phố và hỗ trợ phát triển thị trường đối với dự án thử nghiệm có kiểm soát được đánh giá đạt hiệu quả.	x		
135	Điều 32, khoản 2, điểm a	Việc thành lập, điều chỉnh, đầu tư xây dựng, quản lý và phát triển khu công nghệ cao; chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ cao; phạm vi, tiêu chí, điều kiện thực hiện hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ cao, đổi mới sáng tạo trọng điểm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao trong khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.	x		
136	Điều 32, khoản 2, điểm b	Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ và nguồn lực hỗ trợ phát triển hạ tầng khu công nghệ cao, dự án đầu tư và các hoạt động tại khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.	x		
137	Điều 32, khoản 2, điểm c	Cơ chế, chính sách, mô hình về quản lý, quản trị khu công nghệ cao và các nội dung khác phục vụ phát triển khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.	x		
138	Điều 32, khoản 2, điểm d	Cơ chế, chính sách phát triển đô thị công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.	x		
139	Điều 33, khoản 5, điểm a	Quy định nội dung chi từ nguồn thực hiện chính sách tiền lương của Thành phố nhưng phải bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội theo quy định.	x		
140	Điều 33, khoản 5,	Quy định nội dung chi từ nguồn tăng thu ngân sách Thành phố, nguồn thường vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa ngân sách	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
	điểm b	trung ương và ngân sách Thành phố và nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, ngoài các nội dung đã được quy định theo pháp luật về ngân sách nhà nước.			
141	Điều 33, khoản 5, điểm c	Quy định việc phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu dự án, trái phiếu công trình, trái phiếu đô thị, trái phiếu xanh; vay từ các tổ chức tài chính trong nước, nước ngoài, quốc tế để huy động vốn nhằm triển khai các dự án đầu tư của Thành phố nhưng phải bảo đảm các chỉ tiêu an toàn nợ công theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công.	x		
142	Điều 33, khoản 5, điểm d	Quy định việc sắp xếp, tổ chức lại các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động theo hướng đa mục tiêu, đa chức năng, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả.	x		
143	Điều 33, khoản 5, điểm đ	Quy định hoặc giao Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, cơ chế khoán chi đối với các nhiệm vụ chi sử dụng ngân sách Thành phố khác hoặc chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.	x		
144	Điều 33, khoản 5, điểm e	Quy định về chính sách thưởng nhằm tôn vinh, động viên, khuyến khích các tập thể, hộ gia đình, cá nhân trong nước và nước ngoài có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thành phố.	x		
145	Điều 33, khoản 5,	Quy định khoản thu khác theo quy định tại Luật này mà chưa được quy định trong pháp luật về ngân sách nhà nước.	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
	điểm g				
146	Điều 33, khoản 5, điểm h	Quy định việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất ngoài quy định hiện hành nhưng không làm giảm nguồn thu ngân sách trung ương hưởng từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.	X		
147	Điều 33, khoản 5, điểm i	Quy định việc sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện trách nhiệm chi trả, bồi thường của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của Thành phố cho tổ chức, cá nhân theo bản án, quyết định đã có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền mà không thuộc trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.	X		
148	Điều 33, khoản 5, điểm p	Bố trí vốn đầu tư công từ ngân sách Thành phố để hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố được tổ chức có chức năng quỹ đầu tư phát triển địa phương cho vay hoặc làm đầu mối cho vay hợp vốn với các tổ chức tín dụng theo đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục, mức, thời gian hỗ trợ do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định.	X		
149	Điều 34, khoản 2	Ủy ban nhân dân Thành phố quy định việc đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch trên cơ sở nguyên tắc của pháp luật về quy hoạch trong chấp thuận hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định giao chủ đầu tư, quyết định đầu tư dự án, lựa chọn nhà đầu tư và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu		X	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
		tư.			
150	Điều 34, khoản 5, điểm a	Tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hình thức lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu, loại hợp đồng và cơ chế thanh toán đối với dự án PPP.	x		
151	Điều 34, khoản 5, điểm b	Trường hợp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện dự án, công trình khẩn cấp, cấp bách trên địa bàn Thành phố.	x		
152	Điều 34, khoản 5, điểm c	Việc chỉ định thầu, chỉ định nhà đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với dự án, công trình khẩn cấp, cấp bách hoặc dự án, công trình, hạng mục công trình cần triển khai ngay nhằm bảo đảm tiến độ thực hiện dự án, công trình.	x		
153	Điều 34, khoản 5, điểm d	Cơ chế, chính sách về đầu tư, quản lý cơ sở hạ tầng và biện pháp hỗ trợ khác cho phát triển dịch vụ pháp lý, giải quyết tranh chấp quốc tế trên địa bàn Thành phố.	x		
154	Điều 34, khoản 6	Đối với dự án do cơ quan có thẩm quyền của Thành phố quyết định hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhà ở, đấu thầu chậm triển khai trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, Hội đồng nhân dân Thành phố quy định hoặc quyết định chính sách, biện pháp đặc biệt, khác với quy định của pháp luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
155	Điều 35, khoản 1	Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về phạm vi, lĩnh vực, điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục; cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong áp dụng hình thức hợp tác giữa Nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân trong việc tham gia quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội, mục đích công cộng khác.	x		
156	Điều 36, khoản 12, điểm a	Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện lựa chọn nhà đầu tư chiến lược căn cứ vào điều kiện thực tiễn của Thành phố	x		
157	Điều 36, khoản 12, điểm b	Quy định việc phạt, bồi hoàn các khoản ưu đãi, hỗ trợ đã nhận, chấm dứt dự án do không đáp ứng điều kiện, không thực hiện cam kết, nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược.	x		
158	Điều 37, khoản 2, điểm a	Quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền thu hồi cơ sở nhà, đất trên địa bàn Thành phố do cơ quan trung ương quản lý khi có căn cứ thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.	x		
159	Điều 37, khoản 2, điểm b	Sau khi có ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền cho phép triển khai thực hiện đối với dự án lớn, quan trọng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Luật này, Thành phố sử dụng ngân sách cấp Thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư độc lập trước khi phê duyệt chủ trương đầu tư. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục để thực hiện quy định tại điểm này.	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
160	Điều 37, khoản 2, điểm c	Quy định cơ chế, chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.	x		
161	Điều 37, khoản 2, điểm đ	Quy định việc phát triển không gian xanh trong đô thị phù hợp với quy hoạch đối với quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý nhưng chưa giao, chưa cho thuê, chưa sử dụng.	x		
162	Điều 37, khoản 2, điểm e	Quy định trường hợp thăm dò, khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường và nhóm IV đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép không phải thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.	x		
163	Điều 37, khoản 3, điểm a	Quy định trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này.		x	
164	Điều 37, khoản 3, điểm b	Quy định việc góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai để chỉnh trang, tái thiết hoặc xây dựng mới đô thị và nông thôn theo quy hoạch của Thành phố.		x	
165	Điều 37, khoản 3, điểm c	Quy định việc quản lý khoáng sản trên địa bàn Thành phố về hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản nhóm II làm phụ gia xi măng, nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường và nhóm IV; thu hồi khoáng sản; chế biến khoáng sản; khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, tài chính về địa chất, khoáng sản; đóng cửa mỏ khoáng sản; việc lập, thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, thiết kế mỏ, môi trường		x	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
		và sử dụng đất trong hoạt động khoáng sản.			
166	Điều 38, khoản 1, điểm a	Chính sách về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thu nhập, tiền lương, tiền thưởng, chế độ đãi ngộ khác.	X		
167	Điều 38, khoản 1, điểm b	Chính sách về nhà ở, cư trú và các điều kiện làm việc cần thiết.	X		
168	Điều 38, khoản 1, điểm c	Cơ chế đặc thù để thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, tổng công trình sư, kiến trúc sư trưởng, người có chuyên môn, trình độ cao trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển của Thành phố.	X		
169	Điều 38, khoản 1, điểm d	Chính sách phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số và nguồn nhân lực trong lĩnh vực trọng điểm khác.	X		
170	Điều 38, khoản 2 điểm a	Hỗ trợ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục, đào tạo trọng điểm trên địa bàn Thành phố.	X		
171	Điều 38, khoản 2 điểm b	Chính sách xã hội về nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn Thành phố.	X		
172	Điều 38, khoản 2	Hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề trong nước và tại cơ sở đào tạo ở nước	X		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
	điểm c	ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.			
173	Điều 38, khoản 2 điểm d	Đầu tư hiện đại hóa một số trường cao đẳng trọng điểm, chất lượng cao đạt chuẩn khu vực, quốc tế phù hợp với định hướng phát triển ngành, nghề ưu tiên; thực hiện chính sách hỗ trợ học phí đối với người học theo học các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.	x		
174	Điều 38, khoản 3	Người nước ngoài là chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, người lao động có trình độ cao được hỗ trợ giải quyết thủ tục cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động hoặc giấy phép lao động và được xem xét cấp thị thực, thẻ tạm trú cùng thành viên gia đình theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định phạm vi, lĩnh vực, điều kiện hỗ trợ cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động hoặc giấy phép lao động; thị thực, thẻ tạm trú cho diện đối tượng quy định tại khoản này.		x	
175	Điều 39 khoản 7	Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện ưu đãi, hỗ trợ quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều này và ưu đãi, hỗ trợ khác theo khả năng của ngân sách Thành phố.	x		
176	Điều 41, khoản 4,	Quy chế hoạt động của Quỹ do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành trên cơ sở thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các		x	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
	điểm d	địa phương trong vùng đô thị đặc biệt.			
177	Điều 42, khoản 4, điểm a	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định đối tượng, mức lưu lượng xả nước thải, bụi, khí thải công nghiệp phải áp dụng biện pháp quan trắc tự động, liên tục; mức phí bảo vệ môi trường cao hơn áp dụng với nước thải, bụi, khí thải công nghiệp.	x		
178	Điều 42, khoản 4, điểm b	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải và lộ trình áp dụng.		x	



Phụ lục III

**DANH MỤC NỘI DUNG CĂN BẢN HÀNH VĂN BẢN CÁ BIỆT CỦA CHÍNH QUYỀN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SỐ 18/2026/QH16**
(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 1796/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
1	Điều 6, khoản 1, điểm i	Quyết định số lượng và cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố.	x		
2	Điều 6, khoản 1, điểm k	Quyết định tổng số lượng biên chế không vượt quá 20% số biên chế công chức, viên chức Trung ương giao với điều kiện tự cân đối, chi trả lương từ nguồn ngân sách Thành phố, bảo đảm yêu cầu khối lượng công việc thực tế, trừ trường hợp có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.	x		
3	Điều 9, khoản 3	Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính để được thực hiện cơ chế xã hội hóa theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố; tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.			x
4	Điều 10, Khoản 3	Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố sau khi được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.			x
5	Điều 12, khoản 3, điểm d	Quyết định việc chuyển đổi giữa các loại hình nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ tái định cư để sử dụng linh hoạt, đáp ứng nhu cầu thực tế của người dân; việc chuyển đổi công năng sử dụng giữa		x	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
		các loại hình nhà thuộc tài sản công nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, sử dụng.			
6	Điều 12, khoản 3, điểm d	Quyết định chỉ định chủ đầu tư thực hiện dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, nhà lưu trú đối với các quỹ đất do Nhà nước quản lý hoặc các loại đất khác trong trường hợp các quỹ đất này phù hợp với quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc được cơ quan có thẩm quyền về quy hoạch xác định phù hợp để xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, nhà lưu trú, không xem xét việc đáp ứng các điều kiện theo pháp luật về đất đai; việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất căn cứ vào quyết định chỉ định chủ đầu tư đối với dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, nhà lưu trú.		x	
7	Điều 13, khoản 3, điểm a	Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến đường sắt địa phương, quy hoạch khu vực TOD.			x
8	Điều 13, khoản 3, điểm b	Quyết định việc đầu tư xây dựng nhà ở, công trình thương mại dịch vụ, công trình sự nghiệp, công trình công cộng; quyết định cụ thể chỉ tiêu sử dụng đất, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch trong khu vực trong khu vực TOD theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố tại điểm b khoản 1 Điều này.			x
9	Điều 14, khoản 2, điểm c	Quyết định xây dựng công trình tạm mà không dựa trên quy hoạch bao gồm bến bãi, nhà để xe thông minh, nhà vệ sinh, trạm sạc điện, bến thủy nội địa, công trình tạm khác tại khu đất công do Nhà nước		x	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
		quản lý, đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ, đất công viên, hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch và khu vực khác phù hợp với yêu cầu bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, trật tự đô thị, mỹ quan đô thị, lưu thông dòng chảy, không gây sạt lở bờ sông.			
10	Điều 14, khoản 2, điểm đ	Phân loại, điều chỉnh phân loại đoạn tuyến đường quốc lộ, đoạn tuyến đường thủy nội địa đã được điều chuyển, giao cho Thành phố quản lý.		x	
11	Điều 14, khoản 3, điểm a	Quyết định theo hình thức đặt hàng để xử lý khối lượng chất thải rắn sinh hoạt bổ sung cho nhà đầu tư đang thực hiện dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong trường hợp tự nguyện chuyển đổi công nghệ của dự án sang công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thu hồi năng lượng.			x
12	Điều 14, khoản 3, điểm b	Quyết định lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vận tải hành khách công cộng thông qua hình thức đặt hàng hoặc đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ; chủ động xác định thời gian thực hiện cung ứng dịch vụ để bảo đảm tính liên tục và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thành phố.			x
13	Điều 15, khoản 1, điểm a	Quyết định việc thẩm định, kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố.		x	
14	Điều 15, khoản 2,	Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công, dự án PPP quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều 2 của Luật này mà không			x

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
	điểm a	phải thực hiện thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và các thủ tục khác có liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư;			
15	Điều 15, khoản 2, điểm b	Việc chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư được tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng triển khai sau khi dự án đầu tư công, dự án PPP quy định tại khoản 2 Điều 2 của Luật này được chấp thuận, phê duyệt; phân chia dự án thành phần, tiểu dự án không phụ thuộc vào yêu cầu vận hành độc lập của dự án đầu tư công, dự án PPP; việc triển khai đồng thời các bước chuẩn bị, khảo sát, thiết kế và thực hiện dự án.			x
16	Điều 15, khoản 2, điểm c	Việc miễn thủ tục cấp giấy phép hoạt động xây dựng trên địa bàn Thành phố đối với nhà thầu nước ngoài thực hiện dự án lớn, quan trọng.			x
17	Điều 16, khoản 4	Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định áp dụng biện pháp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.			x
18	Điều 17, khoản 2	Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định tiêu chí, danh mục, tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp làm căn cứ thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước; chủ trương đầu tư vốn nhà nước để bổ sung vốn tại doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan đại diện chủ sở hữu.	x		
19	Điều 17, khoản 3	Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc thuê đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện công tác giám sát của cơ quan đại diện chủ sở hữu		x	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
		theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; chi phí thuê đơn vị kiểm toán độc lập do doanh nghiệp chi trả.			
20	Điều 17, khoản 4, điểm a	Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập doanh nghiệp đường sắt địa phương do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sau khi được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương.		x	
21	Điều 17, khoản 4, điểm c	Doanh nghiệp đường sắt địa phương do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.		x	
22	Điều 18, khoản 2	Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đối với các dự án thuộc lĩnh vực kinh tế biển theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố và pháp luật có liên quan, trừ các dự án cảng biển theo quy định của pháp luật mà Thành phố phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.			x
23	Điều 19, khoản 6, điểm b	Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao khu vực biển để thực hiện khai thác khoáng sản phục vụ cho dự án đầu tư xây dựng khu đô thị lấn biển đối với các mỏ khoáng sản có phạm vi khai thác nằm trong ranh giới quản lý hành chính của địa phương và trong vùng lãnh hải sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và lấy ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành về			x

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
		khoáng sản.			
24	Điều 19, khoản 7	Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch tại khu đô thị lấn biển khi chưa có quy định hoặc có mức yêu cầu cao hơn so với quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn nhưng phải bảo đảm đáp ứng về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hệ thống công trình hạ tầng xã hội.		X	
25	Điều 21, khoản 2	Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc giao nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp cho các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.		X	
26	Điều 21, khoản 3, điểm a	Quyết định thành lập, điều chỉnh ranh giới, diện tích, chức năng khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp được coi là quyết định điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố, quy hoạch khác có liên quan.			X
27	Điều 21, khoản 3, điểm b	Thành lập khu phi thuế quan trong khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính.			X
28	Điều 21, khoản 3, điểm c	Giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với dự án đầu tư trong khu thương mại tự do theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 36 của Luật này, trừ các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương			X

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
		mai.			
29	Điều 23, khoản 2, điểm a	Việc thành lập, tổ chức, hoạt động của khu chức năng mới.		x	
30	Điều 23, khoản 2, điểm b	Biện pháp triển khai loại hình kinh tế mới.		x	
31	Điều 23, khoản 2, điểm c	Biện pháp quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội và các vấn đề phát sinh khác để phát triển khu chức năng mới, loại hình kinh tế mới.		x	
32	Điều 24, khoản 1, điểm d	Quyết định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và thu nhập khác đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động tại Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.	x		
33	Điều 24, khoản 2, điểm a	Quyết định điều chỉnh vị trí, ranh giới, diện tích Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.		x	
34	Điều 24, khoản 2, điểm b	Giao Cơ quan điều hành tại Thành phố thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân Thành phố nắm giữ 100% vốn điều lệ để đầu tư vào tổ chức hạ tầng thị trường, hạ tầng công nghệ; quản lý và khai thác hạ tầng; phát hành sản phẩm tài chính thông qua Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.		x	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
35	Điều 25, khoản 2	Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định Danh mục ngành, lĩnh vực, dự án được ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược để hình thành trung tâm công nghiệp năng lượng quốc gia tích hợp điện, khí, khí hóa lỏng, lọc, hóa dầu, năng lượng tái tạo trên địa bàn Thành phố.		x	
36	Điều 25, khoản 3, điểm a	Quyết định phương hướng, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong Quy hoạch tổng thể Thành phố.			x
37	Điều 25, khoản 3, điểm b	Điều chỉnh cập nhật phương hướng, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong Quy hoạch tổng thể Thành phố, bao gồm: tên gọi, số lượng, quy mô công suất, cấp điện áp, điểm đầu nối, thời gian, thông tin khác của dự án; bổ sung dự án lưới điện để đồng bộ với nguồn điện, giải tỏa công suất nguồn điện, đáp ứng nhu cầu phụ tải.			x
38	Điều 26, khoản 1, điểm i	Quyết định danh mục di sản, khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử, công trình kiến trúc, công trình khác có giá trị trên địa bàn Thành phố cần tập trung nguồn lực để bảo vệ, phát huy giá trị.	x		
39	Điều 26, khoản 2, điểm c	Quyết định việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt sau khi tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa ở trung ương theo trình tự, thủ tục do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định.		x	
40	Điều 26, khoản 3,	Cấp, thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế đối với doanh nghiệp đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.			x

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
	điểm a				
41	Điều 26, khoản 3, điểm b	Công nhận, thu hồi quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn Thành phố.			X
42	Điều 27, khoản 3, điểm a	Quyết định thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, cấp phép hoạt động trường đại học công lập, cao đẳng công lập do Thành phố quản lý; cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, cấp phép hoạt động trường đại học tư thục, cao đẳng tư thục trên địa bàn Thành phố.			X
43	Điều 27, khoản 3, điểm b	Cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, cấp phép hoạt động đối với trường đại học, cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài hoặc có hoạt động liên kết đào tạo với cơ sở nước ngoài trên địa bàn Thành phố sau khi lấy ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo.			X
44	Điều 28, khoản 2	Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền điều phối quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của bệnh viện công lập cho bệnh viện công lập khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố trong trường hợp số dư quỹ vượt quá 02 lần mức trích khấu hao, hao mòn tài sản cố định hằng năm và đơn vị có quỹ không có nhu cầu sử dụng để đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị.		X	
45	Điều 28, khoản 3, điểm a	Cấp phép nhập khẩu thuốc chưa có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam đáp ứng nhu cầu điều trị đặc biệt được sử dụng cho mục đích cấp cứu hoặc chống độc, chống thải ghép hoặc thuốc thuộc			X

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
		Danh mục thuốc hiểm cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Thành phố quản lý về chuyên môn.			
46	Điều 28, khoản 3, điểm b	Quyết định cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Thành phố quản lý về chuyên môn được áp dụng kỹ thuật loại đặc biệt.			x
47	Điều 30, khoản 2, điểm i	Việc bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư mạo hiểm Thành phố.	x		
48	Điều 31, khoản 2, điểm a	Quyết định cho phép thử nghiệm và ban hành quy chế thử nghiệm đối với từng dự án thử nghiệm; quyết định việc tạm thời không áp dụng một số quy định pháp luật trong phạm vi giới hạn thử nghiệm đối với từng dự án thử nghiệm cụ thể đã có quy định của pháp luật nhưng không đủ cụ thể hoặc không còn phù hợp; điều chỉnh phạm vi thử nghiệm, tạm dừng, gia hạn, kết thúc thử nghiệm. Việc tạm thời không áp dụng một số quy định pháp luật quy định tại điểm này không bao gồm quy định của pháp luật trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.		x	
49	Điều 31, khoản 2, điểm a	Quyết định cho phép thử nghiệm và ban hành quy chế thử nghiệm đối với từng dự án thử nghiệm; quyết định việc tạm thời không áp dụng một số quy định pháp luật trong phạm vi giới hạn thử nghiệm đối với từng dự án thử nghiệm cụ thể đã có quy định của pháp luật nhưng không đủ cụ thể hoặc không còn phù hợp; điều chỉnh phạm vi		x	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
		thử nghiệm, tạm dừng, gia hạn, kết thúc thử nghiệm. Việc tạm thời không áp dụng một số quy định pháp luật quy định tại điểm này không bao gồm quy định pháp luật trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.			
50	Điều 33, khoản 5, điểm k	Quyết định cơ cấu chi ngân sách Thành phố phù hợp với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; việc sử dụng các nguồn kết dư ngân sách, quỹ ngân sách của Thành phố.	x		
51	Điều 33, khoản 5, điểm l	Quyết định việc sử dụng ngân sách cấp Thành phố để thực hiện dự án đầu tư, công trình, dự án ngoài địa bàn Thành phố.	x		
52	Điều 33, khoản 5, điểm m	Quyết định việc sử dụng ngân sách cấp Thành phố để hỗ trợ quốc gia khác.	x		
53	Điều 33, khoản 5, điểm n	Quyết định điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án và các loại phí thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hưởng 100%.	x		
54	Điều 33, khoản 5, điểm o	Quyết định việc trích lập quỹ dự trữ tài chính phù hợp với khả năng, nhu cầu của địa phương và bảo đảm số dư của Quỹ không quá 25% dự toán chi ngân sách hằng năm.	x		
55	Điều 33,	Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc điều hành linh hoạt việc		x	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
	khoản 6	sử dụng ngân sách Thành phố cho chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên trong tổng nguồn vốn ngân sách Thành phố đã được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất và tổng hợp báo cáo tại kỳ họp thường lệ cuối năm.			
56	Điều 34, khoản 1, điểm a	Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công, dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội sử dụng vốn ngân sách địa phương, nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương, trừ dự án đầu tư nhà máy điện hạt nhân.	x		
57	Điều 34, khoản 1, điểm b	Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công, dự án PPP trên địa bàn Thành phố có sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây gọi là ODA), vốn vay ưu đãi của nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao; quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công, dự án PPP đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư và giao Ủy ban nhân dân Thành phố làm cơ quan chủ quản thực hiện dự án trong trường hợp không làm tăng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương, nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nước ngoài.	x		
58	Điều 34, khoản 3, điểm a	Quyết định chủ trương đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư.			x

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
59	Điều 34, khoản 3, điểm b	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật về đầu tư, trừ dự án đầu tư kinh doanh đặt cược, casino, dự án nhà máy điện hạt nhân, dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, xuất bản, báo chí, dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh có mức độ tuyệt mật trên địa bàn Thành phố.			X
60	Điều 34, khoản 4	Đối với dự án đầu tư theo quy định của khoản 3 Điều 2 của Luật này cần áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trên cơ sở được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền và sau khi tham vấn các cơ quan có thẩm quyền ở trung ương, Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định cơ chế, chính sách đặc biệt khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hội đồng nhân dân Thành phố báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.	X		
61	Điều 34, khoản 6	Đối với dự án do cơ quan có thẩm quyền của Thành phố quyết định hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhà ở, đấu thầu chậm triển khai trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, Hội đồng nhân dân Thành phố quy định hoặc quyết định chính sách, biện pháp đặc biệt, khác với quy định của pháp luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.	X		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
62	Điều 35, khoản 2	Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc lựa chọn, áp dụng hình thức hợp tác quy định tại khoản 1 Điều này.			X
63	Điều 36, khoản 5, điểm a	Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư trong trường hợp có 01 nhà đầu tư đề xuất và đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 2 Điều này.			X
64	Điều 36, khoản 5, điểm b	Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 2 Điều này và nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị thực hiện dự án đầu tư tại cùng một địa điểm trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư đầu tiên, cơ quan đăng ký đầu tư báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tiêu chí chấm điểm và thành lập Hội đồng xét duyệt nhà đầu tư chiến lược theo danh mục để công khai và công bằng trong lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.			X
65	Điều 36, khoản 6, điểm b	Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 2 Điều này nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị thực hiện cùng một dự án trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư đầu tiên, cơ quan có thẩm quyền báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tiêu chí chấm điểm và thành lập Hội đồng xét duyệt nhà đầu tư chiến lược.			X
66	Điều 36,	Ưu đãi, hỗ trợ khác do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định để	X		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
	khoản 7, điểm d	đáp ứng yêu cầu cấp thiết trong thu hút nhà đầu tư chiến lược			
67	Điều 36, khoản 12, điểm a	Điều chỉnh, bổ sung, công bố Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược và quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện lựa chọn nhà đầu tư chiến lược căn cứ vào điều kiện thực tiễn của Thành phố và bảo đảm điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 2 Điều này.	x		
68	Điều 37, khoản 2, điểm d	Quyết định chỉ tiêu sử dụng đất trong phạm vi địa bàn Thành phố, trừ chỉ tiêu sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh, bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.	x		
69	Điều 37, khoản 2, điểm g	Quyết định từng trường hợp thu hồi đất quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này. Việc thu hồi đất phải bảo đảm hài hòa lợi ích người dân, Nhà nước, doanh nghiệp, không gây thất thoát, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.	x		
70	Điều 37, khoản 3, điểm d	Quyết định tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp; điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng, loại công trình để xây dựng công trình trên đất nông nghiệp phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp, nông nghiệp đô thị.		x	
71	Điều 37, khoản 3, điểm đ	Quyết định diện tích, tỷ lệ sử dụng đất để xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn.		x	

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
72	Điều 37, khoản 3, điểm e	Quyết định danh mục dự án được tổ chức thực hiện trước việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại, xác định nguồn gốc đất và tài sản gắn liền với đất dự kiến thu hồi để thực hiện dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều này.		x	
73	Điều 37, khoản 3, điểm g	Quyết định việc cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước.		x	
74	Điều 37, khoản 3, điểm h	Quyết định việc đưa các hồ hình thành từ moong khai thác khoáng sản đã hoàn thành việc đóng cửa mở ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp.		x	
75	Điều 37, khoản 3, điểm i	Lựa chọn, chỉ định nhà đầu tư thực hiện dự án nâng cấp, sửa chữa, nạo vét hồ, đập chứa nước, ao, đầm mà sản phẩm thu hồi được sử dụng phục vụ dự án lớn, quan trọng.		x	
76	Điều 39, khoản 1, điểm a	Dự án đầu tư vào lĩnh vực thể thao trọng điểm, thành lập trung tâm công nghiệp văn hóa, dự án thuộc các ngành công nghiệp văn hóa, các ngành nghệ thuật truyền thống theo danh mục chi tiết do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.		x	
77	Điều 39, khoản 1, điểm p	Dự án khác do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định, ban hành phù hợp với chiến lược và tình hình phát triển của Thành phố.	x		
78	Điều 41,	Ủy ban nhân dân Thành phố, các địa phương có liên quan báo cáo Hội	x		

STT	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản, điểm	Thẩm quyền ban hành		
			HĐND TP	UBND TP	Chủ tịch UBND TP
	khoản 1, điểm a	đồng nhân dân cùng cấp xem xét, đồng thuận về việc thực hiện dự án.			
79	Điều 41, khoản 3, điểm a	Được áp dụng quy định của Luật Phát triển đô thị và văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị để lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện dự án liên kết, phát triển vùng, dự án liên kết, phát triển vùng Đô thị đặc biệt theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của địa phương đó sau khi thống nhất với Hội đồng nhân dân Thành phố.	x		
80	Điều 41, khoản 4, điểm a	Quỹ Phát triển vùng đô thị đặc biệt là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Hội đồng nhân dân Thành phố thành lập trên cơ sở thống nhất với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của các địa phương trong vùng đô thị đặc biệt.	x		